

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Võ Thị Bồi**

Ông **Nguyễn Văn Bạ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Nhung** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1281/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2022 về việc “**Ly hôn**”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2023 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: Ông **Bùi Hữu T** – sinh năm 1975

Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: 01/1/12 đường T, phường T, thành phố T.

Địa chỉ nơi đang cư trú: 51/8/8 đường T, phường T, thành phố T

Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Kiều L** – sinh năm 1975

Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: 01/1/12 đường T, phường T, thành phố T

Địa chỉ nơi đang cư trú: 51/8/8 đường T, phường T, thành phố T

Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Phan Bạch M** – Văn phòng Luật sư Phan Bạch M – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H

Có đơn không tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bùi Hữu T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/11/2022, biên bản hòa giải ngày 09/3/2023, đơn đề nghị vắng mặt đề ngày 28/3/2023: tôi và cô Phạm Thị Kiều L kết hôn năm 2013. Từ khi kết hôn cho đến nay, gia đình chúng tôi chưa bao giờ được sống hạnh phúc do chúng tôi tìm hiểu không kỹ, tính tình hai bên trái ngược nhau. Bà L thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhục mạ tôi ...Tôi đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng lúc đó tôi vẫn đang là quân nhân của Bộ đội Biên phòng Khánh Hòa nên bà L đe dọa sẽ làm cho tôi mang tiếng bị đuổi khỏi quân đội nên tôi phải rút đơn ly hôn về. Tuy

rút đơn nhưng vợ chồng tôi không khắc phục được mâu thuẫn. Tôi và bà L ở chung nhà nhưng ly thân mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Nay tôi đã làm thủ tục nghỉ hưu trước tuổi, tình cảm của tôi với bà L không còn nên đề nghị được ly hôn với bà L.

Tôi và bà L có một con chung là Bùi Tấn P sinh ngày 25/01/2014. Tôi xin nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Kiều L trình bày tại bản tự khai ngày 11/11/2022, bản ý kiến ngày 17/11/2022, biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2023, bản tự khai ngày 16/02/2023, biên bản hòa giải ngày 09/3/2023 và tại phiên tòa: Tôi và anh Bùi Hữu T kết hôn năm 2013. Gia đình chúng tôi sống rất hạnh phúc. Bản thân tôi không có lỗi gì với chồng con và anh T cũng rất yêu thương vợ con. Hiện nay anh T đang thất nghiệp, tôi là trụ cột chính của gia đình nuôi chồng con. Anh T xin ly hôn với tôi là do bị người phụ nữ khác dụ dỗ chứ không phải ý muốn của anh T. Tôi sẵn sàng là người vợ cao cả bỏ qua mọi lỗi lầm của chồng, chào đón chồng trở về. Tôi muốn con tôi có cả cha và mẹ. Vì vậy, tôi không đồng ý ly hôn.

Tôi và ông Tâm có một con chung là Bùi Tấn P sinh ngày 25/01/2014. Vì ông T có nhiều bệnh, không đủ khả năng nuôi con nên tôi xin nuôi con và yêu cầu ông Tâm cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: vì ông T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên ông Tâm phải là người yêu cầu chia tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Con chung giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, không xem xét. Nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

- Việc ông Bùi Hữu T khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị Kiều L, xét yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Ông Bùi Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Bùi Hữu T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Phan Bạch M có Thông báo không tham gia tố tụng vì lý do bà Phạm Thị Kiều L đã thanh lý hợp đồng với Văn phòng Luật sư. Do đó bà Phạm Thị Kiều L tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án này.

*** Về nội dung vụ án:** Ông Bùi Hữu T và bà Phạm Thị Kiều L tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã H, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 17/4/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Bùi Hữu T có lời khai nhận rằng vợ chồng ông kết hôn nhưng không tìm hiểu kỹ nên sống không hạnh phúc, không quan tâm đến nhau, hiện ông không còn tình cảm gì với bà L nữa. Bà L không thừa nhận điều này vì cho rằng tình cảm vợ chồng bà rất tốt, ông T rất yêu thương bà. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết Tòa án đã mời các bên lên hòa giải nhưng cả hai vẫn không có tiếng nói chung, không thể hiện sự nhường nhịn, yêu thương, san sẻ dành cho nhau. Ông Bùi Hữu T cương quyết xin ly hôn,

không muốn hòa giải, đoàn tụ với bà Phạm Thị Kiều L. Ông T đã từng nộp đơn xin ly hôn 02 lần nhưng lại rút đơn vì lý do sợ ảnh hưởng đến công tác, cơ quan nơi ông làm việc. Như vậy thể hiện trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của ông T và bà L không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Hữu T.

- Về con chung: Ông Bùi Hữu T và bà Phạm Thị Kiều L có một con chung là Bùi Tấn P sinh ngày 25/01/2014. Ông Bùi Hữu T và bà Phạm Thị Kiều L đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên nguyện vọng của cháu P là muốn được sống cùng với bố là ông Bùi Hữu T. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Bùi Tấn P sinh ngày 25/01/2014 cho ông Bùi Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Kiều L có ý kiến về vấn đề tài sản chung, tuy nhiên, Tòa án đã thông báo yêu cầu bà L nộp đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo để Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật thì bà L không thực hiện. Tại phiên tòa, bà L có ý kiến vì ông T là nguyên đơn xin ly hôn nên ông T phải yêu cầu chia tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề tài sản chung và nợ chung trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Ông Bùi Hữu T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Bùi Hữu T được ly hôn bà Phạm Thị Kiều L.

2/ Về con chung: Giao con chung là Bùi Tấn P sinh ngày 25/01/2014 cho ông Bùi Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ông Bùi Hữu T không yêu cầu bà Phạm Thị Kiều L cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị Kiều L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Đồng thời bà L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết ông T, bà L có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Ông Bùi Hữu T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002780 ngày 31/10/2022 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố T, ông Bùi Hữu T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
 - Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
 - Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
 - UBND phường Đ-thị xã H-tỉnh H
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 17/4/2013);
- Dương sự;
 - Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung